

HỘI NGHỊ NGHIÊN THU ĐỀ TÀI: "NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ HỮU NGHỊ HỢP TÁC ĐẶC BIỆT GIỮA QUẢNG BÌNH, KHĂM MUỘN VÀ SAVANAKHET (CHDCND LÀO) GIAI ĐOẠN 1954-2000"

Ngày 30/12/2011, Hội đồng Khoa học tỉnh tổ chức hội nghị nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu mối quan hệ hữu nghị hợp tác đặc biệt giữa Quảng Bình, Khăm Muộn và Savanakhet (CHDCND Lào) giai đoạn 1954-2000". Đề tài do Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình chủ trì thực hiện.

Trong lịch sử dân tộc, mối quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt giữa hai nước Việt - Lào là tài sản vô giá của hai Đảng, hai dân tộc. Trong quá trình phát triển lịch sử của hai Đảng, hai dân tộc nói chung, của tỉnh Quảng Bình với các tỉnh Khăm Muộn, Savanakhet nói riêng đã sát cánh cùng nhau chia ngọt sẻ bùi vượt qua khó khăn gian khổ viết nên những trang sử vẻ vang cho đất nước và dân tộc. Việc nghiên cứu về mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa 3 tỉnh Quảng Bình, Khăm Muộn và Savanakhet là mong muốn của Đảng, chính quyền và nhân dân 3 tỉnh.

Sau một thời gian nghiên cứu, đề tài đã phục dựng lại quá trình hình thành và phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa 3 tỉnh Quảng Bình, Khăm Muộn và Savanakhet, qua đó khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc; làm sáng tỏ



và phong phú thêm tinh thần quốc tế trong sáng cao cả của nhân dân Việt Nam đối với cách mạng Lào nói chung, cũng như nghĩa tình của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Bình dành cho 2 tỉnh Khăm Muộn và Savanakhet.

Tại hội nghị nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến nhằm hoàn thiện đề tài để đưa vào ứng dụng thực tiễn. Đề tài được Hội đồng Khoa học xếp loại khá.

T.H

HỘI NGHỊ NGHIÊN THU ĐỀ TÀI: "NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ SONG NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐỒNG BÀO THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH"

Ngày 31/10/2011, Hội đồng Khoa học tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổ chức nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu vấn đề song ngữ dân tộc thiểu số, phục vụ công tác phát triển giáo dục vùng đồng bào thiểu số tỉnh Quảng Bình". Đề tài do Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình chủ trì thực hiện.

Quảng Bình có hai dân tộc thiểu số là Bru-Vân Kiều và Chứt với tổng dân số 19.871 người (chiếm 2,3% dân số cả tỉnh). Trong nhiều năm trở lại đây, nhờ các chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước, trong đó có các chính sách về giáo dục và ngôn ngữ, đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa ở khu vực các dân tộc

thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, đời sống văn hóa còn nhiều khó khăn, trong đó có chất lượng giáo dục và khả năng nói tiếng Việt. Tình trạng tiếp cận tiếng Việt còn gặp nhiều khó khăn như hiện tượng thoái mù vẫn còn xảy ra.

Sau hơn một năm nghiên cứu với nhiều phương pháp khoa học, đề tài đã tổng hợp được hệ thống tư liệu phong phú, có độ tin cậy cao với độ tham chiếu rộng về cứ liệu của vấn đề song ngữ dân tộc thiểu số các vùng dân tộc Bru-Vân Kiều và Chứt. So sánh tình hình song ngữ ở vùng dân tộc thiểu số, đề tài đã đưa ra được các giải pháp bảo tồn và phát triển ngôn ngữ

dân tộc thiểu số; giải pháp thực hiện chính sách ngôn ngữ, chính sách giáo dục và các chính sách liên quan trên địa bàn dân tộc thiểu số...

Tại hội nghị nghiệm thu, các thành viên Hội

đồng Khoa học đã tham gia đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện đề tài để đưa vào khai thác sử dụng. Đề tài được Hội đồng Khoa học xếp loại xuất sắc.

T.N

HỘI NGHỊ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI: “NGHIÊN CỨU KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG LÚA MỚI CHẤT LƯỢNG CAO TẠI HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Ngày 15/11/2011, Hội đồng Khoa học tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổ chức nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu khảo nghiệm một số giống lúa mới chất lượng cao tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”. Đề tài do Trường đại học Nông Lâm Huế chủ trì thực hiện.

Tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích trồng lúa cả năm 50.300ha, trong đó vụ Đông Xuân 27.000ha, vụ Hè Thu là 22.100ha. Huyện Lệ Thủy có vựa lúa chính của tỉnh với tổng diện tích trồng lúa trên 17.000ha, năng suất 47 tạ/ha, sản lượng hàng năm gần 80.000 tấn. Sản xuất lúa ở huyện Lệ Thủy tuy đã có quy hoạch về trồng lúa chất lượng cao, nhưng việc đầu tư tuyển chọn bộ giống chất lượng cao chưa tương xứng.

Sau hơn 3 năm thực hiện khảo nghiệm, so sánh giữa các giống trong cùng điều kiện địa bàn, nghiên

cứu và trồng thử nghiệm trên các mô hình sản xuất các giống có chất lượng tốt hiện nay. Đề tài đã kết luận các giống có sinh trưởng vụ Đông từ 105-110 ngày, trong vụ Hè Thu giao động xung quanh 90 ngày, thích hợp đem vào gieo trồng các giống NH3, NH6, G251 giống có sự ổn định cao về đặc tính di truyền cũng như năng suất. Trên cơ sở tuyển chọn tiếp tục sử dụng 3 giống trên và HT1 đưa vào sản xuất trên các mô hình. Đề tài đã đề nghị đưa giống G251 và NH3 vào sản xuất đại trà với quy mô rộng thay thế cho một số giống lúa chất lượng cao hiện tại.

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học đã tham gia đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện đề tài để đưa vào ứng dụng thực tế. Đề tài được Hội đồng Khoa học xếp loại xuất sắc.

T.N

HỘI NGHỊ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI : “KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG BÌNH”

Trong quá trình kiến tạo hình thành vùng đất ven biển, có các khoáng nặng như mornazit hoặc titanit, các khoáng này thường có hàm lượng uran và thori khá cao gây ra vùng dị thường phóng xạ. Để quy hoạch các vùng dân cư và vùng phát triển kinh tế lâu dài trên vùng đất này cần thiết phải điều tra, đánh giá hiện trạng phóng xạ môi trường.

Ở tỉnh Quảng Bình chưa có các công trình nghiên cứu mang tính chất tổng thể về mức phóng xạ tự nhiên để đánh giá mức độ phóng xạ và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, góp phần làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển bền vững có tính đến yếu tố môi trường phóng xạ cho các địa phương nói chung và vùng ven biển nói riêng. Vì vậy, Viện nghiên cứu Hạt nhân thực hiện việc nghiên cứu đề tài này là rất cần thiết.

Qua một thời gian nghiên cứu, đề tài đã tiến hành triển khai khảo sát ở 726 điểm tại vùng đất liền ven biển tỉnh Quảng Bình, kết quả cho thấy: số liệu suất liều gamma nhỏ hơn nhiều so với giá trị trung bình trên toàn quốc; số liệu suất liều hấp thụ thấp hơn giá trị trung bình; mức độ nguy hiểm phóng xạ không có dị thường trong vùng khảo sát...

Ngày 21/12/2011, Hội đồng Khoa học tỉnh đã tiến hành tổ chức nghiệm thu đề tài: “Khảo sát đánh giá hiện trạng phóng xạ môi trường vùng ven biển tỉnh Quảng Bình”. Tại hội nghị nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến để bổ sung hoàn thiện đề tài nhằm đưa vào ứng dụng trong thực tiễn. Đề tài được Hội đồng Khoa học xếp loại khá.

T.H

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KIỂM TRA TÌNH HÌNH TRỒNG CÂY CAO SU TẠI HUYỆN MINH HÓA

Ngày 28/11/2011, đồng chí Nguyễn Đức Lý, Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở KH&CN đã đi kiểm tra tình hình trồng cây cao su tại huyện Minh Hóa. Tham gia đoàn kiểm tra có lãnh đạo huyện Minh Hóa, đại diện phòng quản lý Khoa học cơ sở, phòng Quản lý Khoa học thuộc Sở; đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT và Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh.

Tính đến năm 2010, toàn huyện Minh Hóa trồng được 672,19ha cao su (có 10 xã với 919 hộ tham gia). Trong đó cao nhất là xã Trung Hóa 240,2 chiếm 62,5%, xã Hóa Hợp: 231ha, chiếm 34,37%; thấp nhất là xã Xuân Hóa 1,7ha, chiếm 0,25%. Việc trồng cây cao su trên địa bàn huyện Minh Hóa trong thời gian vừa qua chưa được quản lý chặt chẽ, hầu hết việc chọn giống chỉ là cảm tính của người trồng; hiện nay trên địa bàn huyện đang sử dụng các giống như Rim600, PB235, P260, Riu3 và Riu4, các thông tin và kinh

nghiệm được từ các tỉnh phía Nam. Chưa có công trình nghiên cứu, khảo nghiệm để chọn bộ giống phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng. Chính vì vậy mà mấy năm vừa qua các loại giống có khả năng chống chịu gió, rét kháng bệnh cao chưa được quan tâm đưa vào địa bàn, vì vậy đã dẫn đến thiệt hại cao su do rét đậm, rét hại, nấm hồng... các nguyên nhân đó dẫn đến đầu năm 2011 hơn 274ha cao su trên toàn huyện đã bị chết, làm thiệt hại về kinh tế và giảm sút lòng tin cũng như ý chí của nhân dân trong việc trồng, phát triển cây cao su.

Tại buổi thị sát đến từng khu vực trồng cây cao su, đoàn kiểm tra đã tiến hành thu thập các số liệu thực tế để trong thời gian tới sẽ có những biện pháp khắc phục, hỗ trợ cho người dân nơi đây giảm thiểu thiệt hại, cũng như cung ứng những giống và kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa bàn của huyện. T.N

Lời BBT: Hàng năm, Viện Hàn lâm Khoa học Hoàng gia Thụy Điển tiến hành tổ chức xét và trao giải giải Nobel cho các nhà khoa học cổ những công trình nghiên cứu khoa học lớn mang tính đột phá phục vụ cho sản xuất và đời sống toàn nhân loại. Nhân dịp đón Xuân Nhâm Thìn 2012, Tập san Thông tin KH&CN xin giới thiệu các giải Nobel năm 2011 để bạn đọc tham khảo.

Giải Nobel năm 2011

Giải Nobel Y học hoặc Sinh lý học

Giải thưởng Nobel về Sinh lý học và Nobel Y học năm 2011 dành cho 3 nhà khoa học Bruce A. Beutler, Jules A. Hoffmann và Ralph M. Steinman.

Bruce A. Beutler, Jules A. Hoffmann được trao giải Nobel y học cho những khám phá của hai nhà khoa học này liên quan đến việc kích hoạt miễn dịch bẩm sinh. Ralph M. Steinman được

trao giải Nobel Sinh học cho những đóng góp của ông về các tế bào hình cây và vai trò của nó trong miễn dịch thích ứng.

Bruce A. Beutler sinh năm 1957 ở Chicago, Mỹ. Ông nhận bằng Tiến sĩ Y khoa tại đại học Chicago vào năm 1981. Ông từng tham gia nghiên cứu tại đại học Rockefeller ở New York và đại học Texas ở Dallas, nơi ông khám phá ra thụ thể LPS (lipopolysaccharide, còn gọi là nội

độc tố). Từ năm 2000, ông là giáo sư di truyền học và miễn dịch học tại Viện nghiên cứu The Scripps, La Jolla, Mỹ.

Jules A. Hoffmann sinh ở Echternach, Luxembourg vào năm 1941. Ông theo học tại đại học Strasbourg ở Pháp, nơi ông lấy bằng tiến sĩ năm 1969. Sau khi học sau tiến sĩ tại đại học Marburg (Đức), ông trở lại Strasbourg, nơi ông đứng đầu một phòng thí nghiệm từ năm 1974 đến 2009. Ông cũng phục vụ với tư cách giám đốc Viện Sinh học Tế bào Phân tử ở Strasbourg. Từ năm 2007 đến 2008, ông làm Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Pháp.

Ralph M. Steinman sinh năm 1943 ở Montreal, Canada, nơi ông theo học sinh học và hóa học tại đại học McGill. Sau khi nghiên cứu y khoa tại trường Y Harvard ở Boston, Mỹ. Ông nhận bằng Tiến sĩ Y khoa vào năm 1968. Ông gia nhập đại học Rockefeller từ năm 1970 và là giáo sư miễn dịch học tại đây từ năm 1988. Ông cũng là giám đốc Trung tâm Miễn dịch học và Bệnh về miễn dịch của đại học này.

Giải Nobel Vật lý

Giải Nobel Vật lý được trao cho ba nhà khoa học khám phá ra sự giãn nở của Vũ trụ đang tăng tốc qua các quan sát sao siêu mới ở xa; đó là Saul Perlmutter, Brian P. Schmidt, Adam G. Riess

Trong một thông cáo của ủy ban trao giải Nobel 2011, Viện Hàn lâm khoa học Hoàng gia Thụy Điển cho biết, “Trong gần một thế kỉ, vũ trụ được biết đang giãn nở là hệ quả của vụ nổ lớn (Big Bang) hồi khoảng 14 tỉ năm trước. Tuy nhiên, việc khám phá rằng sự giãn nở này đang tăng tốc là thật bất ngờ. Nếu sự giãn nở sẽ còn tiếp tục tăng tốc thì vũ trụ sẽ chết trong băng giá”.

Chỉ mới 25 năm trước đây thôi, đa số các nhà khoa học tin rằng vũ trụ có thể mô tả bằng mô hình đơn giản và đẹp đẽ của Albert Einstein và Willem de Sitter từ năm 1932 trong đó lực hấp dẫn từ từ làm chậm lại sự giãn nở của không gian.

Tuy nhiên, từ giữa thập niên 1980, một loạt quan sát nổi bật đã thực hiện dường như không khớp với lí thuyết chuẩn. Điều này khiến một số người đề xuất nên đưa một số hạng cũ và đã “mất

giá” từ thuyết tương đối tổng quát của Einstein “hằng số vũ trụ học” hay “lambda” - trở lại để giải thích dữ liệu đó.

Hằng số này ban đầu do Einstein đưa ra vào năm 1917 để kháng lại lực hút của sự hấp dẫn, vì ông tin rằng vũ trụ là tĩnh. Ông xem nó là một tính chất của bản thân không gian, nhưng nó cũng có thể hiểu là một dạng năng lượng phân bố đều khắp trong toàn không gian; nếu lambda lớn hơn zero, thì năng lượng đồng đều đó có áp suất âm và tạo ra một dạng lực đẩy hấp dẫn kì lạ. Tuy nhiên, Einstein đã dần vỡ mộng với số hạng trên và cuối cùng ông đã vứt bỏ nó vào năm 1931 sau khi Edwin Hubble và Milton Humason phát hiện thấy vũ trụ đang giãn nở.

Năm 1987, các nhà vật lí tại Phòng thí nghiệm quốc gia Lawrence Berkeley và trường Đại học California tại Berkeley đã khởi động Dự án Vũ trụ học Sao siêu mới (SCP) săn tìm những ngôi sao đang bùng nổ ở xa nhất định định luật sao siêu mới Loại Ia. Họ hi vọng sử dụng những ngôi sao này để tính toán, ngoài những mục đích khác, tốc độ mà sự giãn nở của vũ trụ đang chậm dần.

Người ta trông đợi sự giảm tốc vì trong sự vắng mặt của lambda, nhiều người nghĩ rằng " Ω_M ", lượng vật chất quan sát thấy trong vũ trụ ngày nay là một phần của mật độ tới hạn trên, vừa đủ để làm chậm sự giãn nở của vũ trụ mãi mãi, nếu như không mang đến một kết cục dừng cuối cùng.

Năm 1998, sau nhiều năm quan sát, hai nhóm săn tìm sao siêu mới đối đầu nhau - Đội Tìm kiếm Sao siêu mới Z-cao do Schmidt đứng đầu với Riess là một thành viên SCP do Perlmutter đứng đầu đã đi đến kết luận rằng sự giãn nở vũ trụ thật ra đang tăng tốc và không chậm đi dưới sự ảnh hưởng của lực hấp dẫn như người ta có thể trông đợi.

Hai đội đã đi đến kết luận này bằng cách nghiên cứu những sao siêu mới Loại Ia, trong đó họ tìm thấy ánh sáng đi từ hơn 50 sao siêu mới ở xa yếu hơn so với trông đợi. Đây là một dấu hiệu chứng tỏ sự giãn nở của Vũ trụ đang tăng tốc.

Để giải thích cho sự tăng tốc đó, khoảng 75% khối lượng-năng lượng của vũ trụ phải cấu tạo từ một số chất liệu đầy hấp dẫn chưa ai từng trông thấy trước đó. Chất liệu này, cái sẽ xác định số phận của vũ trụ, được đặt tên là năng lượng tối.

Ngày nay, người ta nghĩ năng lượng tối chiếm khoảng 75% vũ trụ hiện tại, với chừng 21% là vật chất tối và phần còn lại là vật chất thông thường và năng lượng tạo nên Trái đất, các hành tinh và các ngôi sao.

Những khám phá này đã mang lại giải Nobel Vật lý năm 2011 cho ba nhà khoa học *Saul Perlmutter, Brian P. Schmidt, Adam G. Riess*.

Nhà vũ trụ học Michael Turner ở trường Đại học Chicago cho biết giải thưởng Nobel Vật lý trao cho Perlmutter, Riess và Schmidt là “rất xứng đáng”.

Turner cho rằng trước khám phá trên, vũ trụ học đang ở trong tình trạng khá lộn xộn với các nhà thiên văn học có một mô hình của vũ trụ dựa trên vật chất tối lạnh và sự lạm phát, nhưng không có đủ vật chất để tạo ra vũ trụ phẳng - dự đoán chủ chốt của lý thuyết lạm phát.

“Năng lượng tối và sự tăng tốc vũ trụ là mảnh còn thiếu của câu đố trên”, Turner nói. Hơn nữa, trong khi giải quyết một vấn đề thì nó đã mang đến cho chúng ta một vấn đề mới - năng lượng tối là gì?

Giải Nobel Hóa học

Giải Nobel hóa học 2011 đã được trao tặng cho nhà hóa học Israel Dan Shechtman với cho các phát hiện về giả tinh thể (*quasicrystal*).

Shechtman sinh năm 1941, hiện là giáo sư tại Viện Kỹ thuật Israel ở Haifa, Technion. Ông là người đầu tiên trong mùa giải được trao trọn giải Nobel cùng với số tiền thưởng trị giá 1,44 triệu USD. Trước đó, các giải Nobel Y học và Nobel Vật lý 2011 đều được chia cho ba nhà khoa học khác nhau.

Shechtman đã chỉ ra rằng giả tinh thể (*quasicrystal*) là các mô hình có trật tự và đối xứng nhưng khác với tinh thể, không bao giờ lặp lại chính chúng. Tuy nhiên, cấu trúc được tìm thấy trong giả tinh thể đã từng được coi là không

thể tồn tại và Dan Shechtman phải chiến đấu một chiến khốc liệt chống lại các tư tưởng khoa học hiện thời.

Trong cấu tạo chất rắn, các nguyên tử được sắp xếp bên trong các tinh thể với mô hình đối xứng lặp đi lặp. Đối với các nhà khoa học, sự lặp lại này là trật tự cần thiết cấu tạo nên tinh thể.

Sáng ngày 08/4/1982, một hình ảnh trái với quy luật tự nhiên xuất hiện dưới kính hiển vi điện tử của Dan Shechtman. Chúng cho thấy rằng, các nguyên tử trong các tinh thể của ông đã được sắp xếp trong một mô hình không thể lặp đi lặp lại. Một mô hình như vậy là không khả thi giống như việc tạo ra một quả bóng đá chỉ bằng cách sử dụng đa giác sáu góc thay vì cần phải có cả đa giác năm và sáu góc.

Khám phá của ông đã gây nhiều tranh cãi. Cuối cùng ông bị yêu cầu rời khỏi nhóm nghiên cứu tại Viện Tiêu chuẩn và Kỹ thuật Quốc gia Mỹ vì kiên quyết bảo vệ khám phá của mình.

Nghiên cứu của Shechtman, giải Nobel Hóa học 2011, đã làm thay đổi một cách cơ bản cách thức các nhà hóa học quan niệm về chất rắn và cuộc chiến của ông rốt cuộc đã buộc các nhà khoa học xem xét lại quan niệm của họ về trạng thái tự nhiên của vật chất.

Giải Nobel Văn chương

Nhà thơ 80 tuổi người Thụy Điển, Tomas Transtroemer được vinh danh vì “*thông qua những hình ảnh mờ ảo và súc tích, ông ấy mang đến cho chúng ta cơ hội tươi mới để tiếp cận hiện thực*”. Theo thông báo của ủy ban trao giải Nobel (TNO) Viện Hàn lâm khoa học Hoàng gia Thụy Điển đã quyết định trao giải thưởng Nobel Văn chương 2011 cho một người đồng hương, nhà thơ Tomas Transtroemer.

Transtroemer được biết đến nhiều trong nền văn chương thế giới nhờ vào tình bạn với nhà thơ người Mỹ Robert Bly, người đã dịch phần lớn tác phẩm bằng tiếng Thụy Điển của ông sang tiếng Anh, một trong 50 ngôn ngữ mà thơ ông được dịch sang.

Theo AFP, thơ ông dồi dào sự ẩn dụ và hình tượng, vẽ nên những hình ảnh đơn giản từ tự nhiên và cuộc sống thường nhật.

Thư ký của ủy ban trao giải Peter Englund phát biểu về Transtroemer: “Bạn sẽ không bao giờ cảm thấy bé nhỏ sau khi đọc thơ của Tomas Transtroemer”.

Giải Nobel Kinh tế học

Nobel Kinh tế 2011 được trao cho hai giáo sư người Mỹ Thomas J. Sargent và Christopher A. Sims. Thông báo của ủy ban trao giải Nobel cho rằng hai giáo sư được vinh danh nhờ nghiên cứu của họ “về nguyên nhân và kết quả trong nền kinh tế vĩ mô”.

Các nhà đoạt giải đã “phát triển những phương pháp nhằm lý giải các câu hỏi liên quan đến mối quan hệ nhân quả giữa chính sách kinh tế và các biến số kinh tế vĩ mô khác như GDP, lạm phát, việc làm và đầu tư”, thông báo của Ủy ban trao giải cho biết.

Sargent nghiên cứu về cấu trúc kinh tế học vĩ mô vốn có thể dùng để phân tích những biến đổi cố định trong chính sách kinh tế. “Phương pháp này có thể áp dụng để nghiên cứu mối quan hệ kinh tế vĩ mô khi các hộ gia đình và công ty điều chỉnh các kỳ vọng xảy đến đồng thời với những phát triển kinh tế”, thông báo nói.

Trong khi đó, phương pháp của Sims “cho thấy nền kinh tế bị tác động như thế nào bởi những thay đổi tạm thời trong chính sách kinh tế và các yếu tố khác”.

Mặc dù cả hai đã độc lập nghiên cứu, nhưng thành tựu của họ bổ sung cho nhau, “được tiếp nhận bởi các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách trên toàn thế giới...” và “là những công cụ quan trọng trong việc phân tích kinh tế vĩ mô”.

T.N (Tổng hợp)

VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG

KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

Ngày 12/12/2011, Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

Đến dự lễ kỷ niệm có đồng chí Hoàng Đăng Quang - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu quốc hội Tỉnh; đồng chí Nguyễn Hữu Hoài - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh. Các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, thường trực HDND, UBND, UBMTTQVN tỉnh; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh; các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo ngành lâm nghiệp tỉnh; Huyện ủy, UBND các huyện Bố Trạch, Minh Hóa, Quảng Ninh, UBND các xã vùng đệm, doanh nghiệp, các đồn biên phòng, đồn công an trên địa bàn khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Đại diện các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện thuộc các bộ, ngành Trung ương,



Lãnh đạo BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng nhận Huân chương Lao động hạng Ba

Ảnh: T.K

các trung tâm nghiên cứu, các Hội, Hiệp hội, các Trường đại học, các khu Di sản thế giới, công viên địa chất toàn cầu, các Vườn quốc gia, các tổ chức, dự án quốc tế và trong nước có liên quan;

các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế; Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia Hin Nặm Nô (CHDCND Lào), các cơ quan thông tấn báo chí, truyền hình Trung ương và tỉnh Quảng Bình, cùng toàn thể cán bộ viên chức đã và đang công tác tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được thành lập theo Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha nhằm bảo vệ toàn vẹn nguồn tài nguyên thiên nhiên với các hệ sinh thái rừng đa dạng và phong phú, các loài động thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; khai thác thế mạnh của cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch, sinh kế cho cư dân trong vùng, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong 10 năm qua, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Đã thực hiện 48 đề tài, chương trình nghiên cứu bảo tồn, điều tra bổ sung 1.940 loài thực vật bậc cao có mạch, 328 loài động vật. Phát hiện 17 loài mới cho khoa học; tái phát hiện loài chuột đá được cho là đã tuyệt chủng cách đây 11 triệu năm. Phát hiện quần thể Bách xanh đá sơ cổ nhất Đông Nam Á; đặc biệt là phát hiện Hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới... Tiếp nhận và cứu hộ 629 cá thể động vật hoang, tỷ lệ cứu hộ thành công đạt trên 80%. Xây dựng 415 mô hình nông lâm kết hợp, 32 mô hình "Vườn rừng mô phỏng". Tổ chức 2.270 đợt tuần tra truy quét các tụ điểm khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép; lập biên bản xử lý 1.431 vụ vi phạm, tịch thu hơn 830,5m³ gỗ các loại, tháo dỡ trên 20.000 sợi bẫy... Tham mưu UBND tỉnh tổ chức 2 hội thảo quốc gia, 3 hội nghị cấp tỉnh, 4 hội thảo khoa học, 2 hội thảo thực tế, 9 hội nghị cấp ngành và huyện, 90 hội nghị các câu lạc bộ bảo tồn thôn/bản thu hút 15.655 lượt người tham gia. Ký cam kết bảo vệ rừng và bảo vệ Di sản với 2.315 hộ gia đình và 5 cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn. Phát hành 45.130 tờ rơi và ấn phẩm tuyên truyền. Đón tiếp gần 3 triệu lượt khách tham quan, tạo công ăn

việc làm cho khoảng 2.600 lao động. Từng bước nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng địa phương, góp phần giảm áp lực đối với công tác quản lý và bảo tồn Di sản...

Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Hữu Hoài - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đã biểu dương và đánh giá cao những kết quả đạt được của cán bộ viên chức, lao động VQG Phong Nha - Kẻ Bàng trong 10 năm qua, đồng thời khẳng định bảo vệ Di sản Thiên nhiên thế giới là nhiệm vụ của tất cả mọi người mà nòng cốt là Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và xác định công tác bảo tồn ở VQG trong thời gian tới vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Đồng chí Chủ tịch tỉnh đã yêu cầu toàn thể cán bộ, viên chức, lao động Ban quản lý Vườn cần tập trung 5 vấn đề chủ yếu đó là: Xác định công tác bảo vệ rừng là nhiệm vụ hàng đầu của Vườn; Cần tăng cường hợp tác với các nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, có phương tiện trong và ngoài nước, đồng thời chú trọng công tác đào tạo cán bộ tại chỗ; Coi trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân trong khu vực, xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật; Tích cực xúc tiến đầu tư, kêu gọi các tổ chức có năng lực, có kinh nghiệm để đầu tư các sản phẩm du lịch mới nhằm phát huy các giá trị của Di sản thế giới; Tập trung hoàn thiện hồ sơ để năm 2012 trình UNESCO công nhận Di sản Thiên nhiên thế giới lần 2 về tiêu chí đa dạng sinh học.

Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, đồng chí Nguyễn Hữu Hoài - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đã trao Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể cán bộ, viên chức và lao động BQL Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Đồng chí Lưu Minh Thành - Giám đốc BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 11 tập thể và 7 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo tồn và phát triển VQG Phong Nha - Kẻ Bàng từ năm 2001 đến năm 2011 nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

THANH KHAI

10 sự kiện KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NỔI BẬT NĂM 2011

Ngày 23/12/2011, Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ (CLB Nhà báo KH&CN) chính thức công bố kết quả cuộc bình chọn 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2011. Cuộc bình chọn do hơn 40 nhà báo thuộc các cơ quan truyền thông đại chúng của trung ương và địa phương viết về lĩnh vực KH&CN bình chọn với mục đích động viên, ghi nhận và tôn vinh những cống hiến của các nhà khoa học, tập thể các nhà khoa học đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước trong năm qua.

Phần lớn các sự kiện nói trên là kết quả hoạt động KH&CN sau 7 năm triển khai Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg, ngày 28-9-2004 của Thủ tướng thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Từ năm 2008, CLB nhà báo KH và CN đứng ra tổ chức thực hiện việc bình chọn và công bố 10 sự kiện KH và CN nổi bật trong năm giờ đây đã trở thành sự kiện thường niên.

Dưới đây là 10 sự kiện biểu biểu của năm 2011:

1. Đề án “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ”

Ngày 10/10/2011, tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, đã diễn ra buổi nghiệm thu cấp Nhà nước Đề án “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ”. Đề án do GS.VS Phan Huy Lê làm Chủ nhiệm, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam là cơ quan chủ trì. Hội đồng nghiệm thu gồm 9 thành viên do GS.TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương làm Chủ tịch. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá xuất sắc kết quả của đề án.

Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ” được triển khai từ cuối năm 2007, nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, quá trình lịch sử và các đặc trưng kinh tế, xã hội, văn hoá vùng đất Nam Bộ của Việt Nam từ cội nguồn đến ngày nay. Đề án bao gồm 11 đề tài. Kết quả nghiên cứu của Đề án đã: Xác lập được các vấn đề có tính phương pháp luận trong tiếp cận

nghiên cứu vùng đất Nam Bộ; làm rõ được quá trình lịch sử, các đặc trưng kinh tế, xã hội, văn hoá và thiết chế quản lý phục vụ các nhiệm vụ phát triển, bảo đảm an ninh quốc phòng ở vùng đất Nam Bộ; xây dựng cơ sở khoa học làm rõ và khẳng định cơ sở pháp lý chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam ở vùng đất Nam Bộ phù hợp với thông lệ quốc tế; bước đầu làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu đến cán bộ và nhân dân địa phương và nhân dân cả nước.

2. Quỹ Đổi mới Công nghệ quốc gia

Ngày 5/8/2011, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc tăng cường tiềm lực công nghệ, năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, để thực hiện các cam kết quốc tế, Nhà nước sẽ không tiếp tục trợ giúp tài chính trực tiếp cho các doanh nghiệp. Bởi vậy, việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là hết sức cần thiết.

Với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng được cấp từ ngân sách Nhà nước về hoạt động KH&CN, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyên giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn. Sau khi hoàn thành việc xây dựng quy chế hoạt động, quỹ sẽ tập trung hỗ trợ dưới nhiều hình thức cho hơn 3.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Dành kinh phí lớn nhất cho dự án khoa học và công nghệ

Ngày 24/11/2011, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Quân công bố Dự án thiết kế và chế tạo chip, thẻ và đầu đọc được ... từ 145,7 tỉ

đồng. Trong đó, vốn từ ngân sách 124,8 tỉ đồng, phần còn lại là đóng góp của Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn. Đây là số vốn lớn nhất từ trước đến nay dành cho một dự án khoa học công nghệ. Dự án nói trên thiết kế và sản xuất chip xử lý 32 bit theo công nghệ RFID (Radio Frequency Identification nhận dạng bằng sóng radio) và UHF thành sản phẩm hàng hoá để ứng dụng trong các lĩnh vực có liên quan đến thông tin cá nhân như chứng minh nhân dân điện tử, thẻ ra vào; kiểm soát chất lượng hàng hoá... Chủ dự án là Trường đại học Quốc gia TP.HCM, thời gian thực hiện bốn năm. Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng Chương trình sản phẩm quốc gia từ nay đến năm 2015. Qua đó sẽ tập trung đầu tư để phát triển các sản phẩm này. Kết quả của dự án nói trên nhằm mục đích tạo ra sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm quốc gia.

4. Giáo sư Hoàng Tụy được tặng giải thưởng toán học “Constantin Caratheodory Prize”.

Giải thưởng Constantin Caratheodory được đặt theo tên nhà toán học lừng danh người Hy Lạp (1873-1950) để vinh danh những cống hiến xuất sắc đã được thử thách qua thời gian. Các tiêu chí của giải thưởng bao gồm tính xuất sắc, độc đáo, ý nghĩa, chiều sâu và ảnh hưởng của cống hiến khoa học. Giải sẽ được trao tặng hai năm một lần cho những cá nhân hay tập thể xuất sắc có cống hiến căn bản cho lý thuyết, lập trình và ứng dụng trong lĩnh vực tối ưu toàn cục, bắt đầu từ năm 2011. Đại hội thế giới về tối ưu hóa toàn cục lần thứ hai được tổ chức ở Hy Lạp từ ngày 3-7/7/2011, đã quyết định trao tặng giải thưởng đầu tiên cho giáo sư Hoàng Tụy, người có đóng góp tiên phong cho tối ưu hóa toàn cục.

GS Hoàng Tụy sinh năm 1927, là tiến sĩ về toán học, nghiên cứu hàm thực, lý thuyết tối ưu, giải tích lồi, toán kinh tế. Ông từng là Viện trưởng Viện Toán học, giáo sư thỉnh giảng của nhiều đại học trên thế giới. Ông được coi là nhà toán học mở đường cho một chuyên ngành toán học mới, là “cha đẻ của tối ưu toàn cục”. Ông còn là người gây dựng cơ sở và tổ chức ứng dụng toán học vào quản lý kinh tế ở Việt Nam, đồng thời nghiên cứu và góp sức vào chấn hưng giáo dục và các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước. Ông được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt một năm 1996, Giải thưởng Phan Châu Trinh năm 2010.

5. Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được khởi

động trở lại bởi chính các nhà khoa học Việt Nam

Trong gần 50 năm qua, Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt đã thực hiện ba lần khởi động lò có tầm quan trọng đặc biệt. Lần đầu tiên vào năm 1963. Lần thứ hai vào đầu năm 1984.

Lần khởi động Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt ngày 30/10/2011 vừa qua được xem là lần quan trọng thứ ba trong lịch sử. Từ thời điểm này, hoạt động của Lò phản ứng được duy trì bằng toàn bộ các bó nhiên liệu độ giàu thấp chứa hàm lượng U-235 dưới 20%.

Đây là một sự kiện đáng ghi nhớ không chỉ có ý nghĩa trong việc thể hiện chính sách nhất quán của Việt Nam là sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân. Sự kiện này còn đánh dấu một trong những điểm mốc quan trọng trên con đường phát triển của ngành năng lượng nguyên tử Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử đội ngũ vận hành chỉ gồm những kỹ sư Việt Nam đã khởi động thành công lò phản ứng hạt nhân. Đó là một tập thể các nhà khoa học và công nghệ mạnh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Việt Nam.

6. Hội nghị Bộ trưởng các nước ASEAN về khoa học và công nghệ

Từ ngày 21-26/11/2011, Việt Nam đã tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ (KH và CN) ASEAN lần thứ 14 (AMMST-14) và Hội nghị Ủy ban Khoa học và Công nghệ ASEAN lần thứ 62 (COST-62) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội nghị AMMST-14 và COST-62 thảo luận các vấn đề nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác về khoa học và công nghệ trong khu vực ASEAN, hướng tới xây dựng cộng đồng ASEAN vào năm 2015 dựa trên ba trụ cột: cộng đồng chính trị - an ninh (APSC), cộng đồng kinh tế (AEC) và cộng đồng văn hóa xã hội (ACSC). Đây là lần đầu tiên Việt Nam đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ ASEAN, là cơ hội để tiếp tục khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế sau khi đã thể hiện thành công vai trò Chủ tịch ASEAN vào năm 2010.

7. Giàn khoan tự nâng 90m nước

Ngày 10/9/2011, tại Khu cảng Dầu khí Vũng Tàu, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã tổ chức lễ hạ thủy giàn khoan tự nâng 90m nước, sau 26 tháng thi công, gian khoan khai thác khí mỏ Mộc

Tinh. Công trình này được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) ký kết hợp đồng cấp kinh phí thực hiện các đề tài thuộc dự án và giao cho Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard) - Tập đoàn dầu khí Việt Nam chủ trì. Giàn khoan tự nâng 90m nước với trọng lượng 12 nghìn tấn, chân dài 145m, chiều sâu khoan đến 6,1km. Giàn khoan chịu sức gió tương đương bão cấp 12, hoạt động tốt trong thời tiết khắc nghiệt. Công trình đã được cơ quan Đăng kiểm Hàng hải Hoa Kỳ cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế.

Dự án Chế tạo giàn khoan tự nâng là dự án cơ khí trọng điểm quốc gia, và dự án này có công trình nghiên cứu khoa học công nghệ do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hỗ trợ. Đây cũng là dự án khoa học công nghệ về cơ khí có số vốn lớn nhất tại Việt Nam hiện nay. Đây là công trình cơ khí trọng điểm quốc gia lần đầu tiên được thiết kế chi tiết và lắp dựng tại Việt Nam. Các nhà khoa học và công nghệ đã làm chủ công nghệ hạ thủy dàn khoan tự nâng nói trên. Nước ta trở thành 1 trong 3 nước Châu Á và 1 trong 10 nước trên thế giới thiết kế chi tiết và lắp dựng giàn khoan tự nâng đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Từ nay nước ta chủ động lắp dựng giàn khoan tự nâng mà không phải nhập khẩu như trước nữa.

8. Máy soi cắt lớp điện toán trong công nghiệp

Một trong những khó khăn trong hoạt động khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay đó là thiếu nguồn nhân lực trình độ cao, nhất là trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Tuy vậy vượt qua nhiều khó khăn các nhà khoa học Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp (thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam) đã thiết kế chế tạo thành công máy soi cắt lớp điện toán trong công nghiệp.

Đây là loại máy do các nhà khoa học trong nước viết phần mềm và chế tạo bằng 100% các thiết bị của Việt Nam. Nguyên lý hoạt động của máy là dùng tia gamma chụp vào lõi các vật thể để xác định cấu tạo bên trong, nhằm cho ra hình ảnh kín của các hiện vật để tìm ra khuyết tật... mà không cần phải mở những thiết bị máy móc hoặc mổ xẻ các hiện vật ra. Mỗi chiếc máy trị giá hơn 8.300 USD.

Cơ quan Nguyên tử quốc tế (IAEA) đã quyết

định đặt mua sáu máy nói trên và chuyển tới sáu nước Thái Lan, Phi-lip-pin, Pakistan, Myanmar, Indonesia, Sri Lanka; đồng thời giao cho trung tâm mở lớp chuyển giao công nghệ cho cán bộ kỹ thuật của sáu nước tiếp nhận máy.

9. Vận hành dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử viễn thông hiện đại nhất Đông Nam Á

Trung tâm sản xuất Điện tử Viettel vừa chính thức đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử viễn thông có công nghệ hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á. Dây chuyền có tổng giá trị đầu tư hơn 200 tỷ đồng. Dây chuyền có công suất thiết kế đạt tới 5 triệu USB 3G/năm; hoặc 3 triệu máy ĐTDĐ/năm; hoặc 900 nghìn máy tính/năm. Chất lượng sản phẩm đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất. Dây chuyền này hoàn toàn do người Việt Nam tự xây dựng cấu hình, lựa chọn, lắp đặt, vận hành các thiết bị hiện đại nhờ tiết kiệm kinh phí đầu tư. Việc đưa dây chuyền nói trên chính thức đi vào hoạt động sau một năm triển khai không chỉ hiện thực hóa chiến lược sản xuất thiết bị điện tử viễn thông phù hợp với quá trình phát triển thị trường trong và ngoài nước của Viettel mà còn là một thí dụ điển hình về việc xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho hoạt động chuyển giao công nghệ hiện đại vào sản xuất.

10. Phẫu thuật nội soi cắt khối tá - tụy tại Bệnh viện 103

Tháng 10/2011, Các bác sĩ Khoa Ngoại Bụng (B2) - Bệnh viện 103 (Hà Nội) đã phẫu thuật nội soi thành công cắt khối tá - tụy. Đây là loại phẫu thuật khó nhất, phức tạp nhất, là kỹ thuật đỉnh cao trong các phẫu thuật ở ổ bụng. Trong quá trình phẫu thuật chỉ cần sơ suất nhỏ có thể gây tổn thương các nội tạng khác, làm rách, đứt các mạch máu lớn dẫn tới chảy máu ngập tràn ổ bụng, phải chuyển mổ bụng khẩn cấp hoặc đe dọa tử vong ngay trên bàn mổ. Cắt bỏ khối tá-tụy bằng phẫu thuật nội soi đòi hỏi ở phẫu thuật viên những kinh nghiệm, kỹ năng thực hành tốt và chiến thuật xử lý rất tinh tế. Thành công của ca phẫu thuật đã mở ra một hướng nghiên cứu mới rất khả quan, không chỉ để chứng minh cho tính hiệu quả và an toàn của phẫu thuật nội soi ổ bụng mà còn mở ra khả năng ứng dụng rộng rãi của phương pháp nói trên, kể cả đối với những trường hợp bệnh lý phức tạp.

Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ

PHÁT MINH MỚI GIÚP NHÀ NÔNG

Nhà khoa học người Ôxtrâylia Edward Linacre vừa giành được giải thưởng James Dyson, giải thiết kế quốc tế Ôxtrâylia, nhờ phát minh hệ thống thủy lợi Airdrop có thể “rút” nước từ trong không khí để giải quyết vấn đề hạn hán trong nông nghiệp.

Edward Linacre là cựu sinh viên trường Đại học Công nghệ Swinburne ở Melbourne, Ôxtrâylia. Ông cho biết phát minh độc đáo của ông lấy cảm hứng từ nạn hạn hán khủng khiếp ở Ôxtrâylia một thế kỷ nay. Ông tìm đến thiên nhiên và bắt đầu nghiên cứu về bọ cánh cứng Namib - loài côn trùng sống ở môi trường khô hạn nhất thế giới và cách tích trữ nước trên da của nó là cảm hứng cho phát minh của ông.

Airdrop có nguyên lý hoạt động như sau: chúng bơm không khí qua một mạng lưới các đường ống ngầm, làm mát chúng đến khi tích tụ thành những phân tử nước. Sau đó chúng sẽ cung cấp nước trực tiếp cho rễ cây.

Phát minh của ông Linacre thu hoạch được 11,5ml nước trong mỗi mét khối không khí khô hạn nhất của sa mạc. Phiên bản thiết kế mới của

ông trong tương lai có thể tăng năng suất hơn nữa.

Theo ông Linacre, việc khai thác nước từ bầu khí quyển không phải là ý tưởng mới nhưng Airdrop lại có lợi thế, mạnh hơn so với các đối thủ cạnh tranh vì các hệ thống khai thác nước khác thường yêu cầu cung cấp năng lượng lớn, như chạy một cái tủ lạnh. Trong khi đó Airdrop chỉ đơn giản là sử dụng sự khác biệt giữa nhiệt độ không khí và sự mát mẻ bên dưới bề mặt đất.

Phát minh độc đáo đó đã chiến thắng trong cuộc thi thiết kế quốc tế Ôxtrâylia, cũng đem về cho ông giải thưởng 10.000 bảng Anh. Đồng thời hội đồng giám khảo trao thêm 10.000 bảng Anh cho khoa nghiên cứu thuộc trường đại học của ông Linacre để hỗ trợ những kỹ sư trẻ tiếp nối con đường của ông.

Được biết, giải thưởng thiết kế quốc tế Ôxtrâylia dành cho tất cả sinh viên hoặc đã tốt nghiệp trong vòng bốn năm ở tất cả các nước Ôxtrâylia, Áo, Bỉ, Canada, Pháp, Đức, Hà Lan, Italia, Nhật Bản, Malaixia... thiết kế về những sản phẩm công nghiệp.

V.L (TheoNASATI)

CHẾ TẠO BẾP HÓA KHÍ ĐỐT RƠM RẠ KHÔNG KHÓI MUỘI

Sau nhiều năm tự mày mò, nghiên cứu, anh Bùi Trọng Tuấn, ở phố Thanh Bình, phường Thanh Miếu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã chế tạo thành công bếp hóa khí đốt rơm rạ, mùn cưa, phoi bào, lá cây, bã thải của các nhà máy mía đường không khói tro, muội than bụi.

Chiếc bếp sáng tạo này đã giúp giảm áp lực nhu cầu năng lượng hóa thạch đang ngày càng cạn kiệt, giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, giảm kinh phí cho công tác xử lý rác thải...

Anh Bùi Trọng Tuấn cho biết bếp hóa khí được sản xuất dựa trên nguyên lý khí động học, truyền nhiệt thông qua việc lợi dụng sự hòa khí hoàn toàn giữa không khí và hơi nước ngăn cản sự

sản sinh ra hắc ín, kéo dài thời gian đốt mà không có khói tro và muội than. Với kỹ thuật tuần hoàn kín ép nén ngọn lửa làm tăng bức xạ nhiệt, nâng cao hiệu suất nhiệt tới mức cực đại thực hiện đốt sạch hoàn toàn với năng suất cao.

Bếp hóa khí gồm các bộ phận thùng chứa và đốt nhiên liệu, các ống dẫn khí và buồng khí hóa; trong đó thùng chứa và đốt nhiên liệu hai lớp để nạp và đốt nhiên liệu thành khói, khói này được dẫn qua ống dẫn khói có một đầu nối vào phần trên của thùng chứa nhiên liệu hai lớp và một đầu nối vào phần dưới của buồng khí hóa chứa nước ở bên trong.

Ống dẫn khói có van điều chỉnh khói ở gần

thùng chứa nhiên liệu hai lớp để điều tiết lượng khói từ thùng này đi vào buồng khí hóa. Sau khi đi vào trong buồng khí hóa, ống dẫn khói được nối với ống dẫn khí cho bếp qua đoạn ống phân nhánh. Đoạn ống phân nhánh này được nối với ống cấp khí cho bếp qua đoạn ống phân nhánh.

Đoạn ống phân nhánh này được nối với ống cấp không khí thứ nhất qua ống cấp không khí thứ hai, trên đó có lắp van thứ hai. Ống cấp không khí thứ nhất được lắp xuyên qua đáy thùng nhiên liệu để thổi không khí từ quạt qua van thứ nhất vào thùng này. Ống cấp không khí thứ hai nối vào đoạn ống phân nhánh để thổi không khí từ quạt qua van thứ hai vào ống cấp khí cho bếp.

Ống cấp khí cho bếp dẫn khí cháy được từ ống dẫn khí, qua đoạn ống phân nhánh và cấp lên mặt bếp dùng hệ thống đánh lửa bằng pin. Quạt là quạt có thể hoạt động với nguồn điện lưới xoay chiều hoặc nguồn điện một chiều từ ắc quy để có thể hoạt động ngay cả khi mất điện lưới.

Việc sử dụng bếp cũng rất đơn giản. Người sử dụng bỏ nhiên liệu vào thùng hóa khí và đậy nắp lại. Mở các van theo hướng dẫn và bật lửa (như bếp gas). Quá trình đun nấu có thể tăng giảm ngọn lửa trên bếp bằng cách điều chỉnh tốc độ quạt gió hoặc điều chỉnh khóa bếp. Lửa cháy đều trong rõ, không có lửa vàng, không có khói đen. Tần suất đánh lửa đạt hơn 8/10 lần lên lửa, không có liên tiếp hai lần không lên lửa và không có hiện tượng

cháy bùng, thời gian mở van nhỏ hơn 45 giây.

Nếu cho 2kg nhiên liệu có thể đốt khoảng 3 giờ; 10kg nhiên liệu chỉ cần đốt một lần, sau khi dùng xong, tắt quạt, đóng van ủ lại và dùng được 7 ngày tiếp theo. Thông thường 2 đến 3 ngày nạp nhiên liệu 1 lần, 5 đến 7 ngày xả tro 1 lần.

Gia đình bình thường chỉ cần 2-3kg nhiên liệu là đáp ứng đủ nhu cầu thường nhật, tiết kiệm tới trên 70% so với bếp thông thường. Áp suất từ cửa khí vào đến van đánh lửa 4,2kpa, lượng rò khí nhỏ hơn 0.07 l/h, khói CO nhỏ hơn 0.05%.

Hiện nay, bếp hóa khí đã được sản xuất thành sản phẩm bán trên thị trường, với giá từ 2-3 triệu đồng (tùy thể tích thùng chứa), được rất nhiều hộ nông dân ưa chuộng, thời gian sử dụng bếp từ 10-15 năm, mỗi năm giúp tiết kiệm 1-2 triệu đồng so với sử dụng gas, than, củi để phục vụ cho nhu cầu đun nấu của một hộ gia đình.

Ngay năm đầu cho ra thị trường, công ty đã cho xuất xưởng 1.000 chiếc bếp/năm, dự kiến trong thời gian tới anh Bùi Trọng Tuấn sẽ đầu tư xây dựng nhà máy, nâng công suất lên 4.200 chiếc/năm. Doanh nghiệp đang tiếp tục nghiên cứu để thay cụm van phải nhập khẩu từ Trung Quốc bằng thiết bị sản xuất tại chỗ, thay kiểu dáng mẫu mã nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Bếp hóa khí đã được đăng ký sáng chế độc quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN.

V.L (TheoNASATI)

SẢN XUẤT THÀNH CÔNG PHÂN URÊ NHÀ CHẬM

TS Nguyễn Cửu Khoa, Viện trưởng Viện Công nghệ hóa học vừa nghiên cứu, chế tạo thành công phân urê nhà chậm. Loại phân nhà chậm này cho phép cây hấp thu gần như tuyệt đối lượng phân được bón vì thời gian đầu phân chỉ nhả khoảng 30%, sau đó tiếp tục nhả theo nhu cầu dinh dưỡng của cây. Đặc biệt, phân có thể tiết dinh dưỡng theo nhu cầu của cây trồng để cây hấp thu tốt dinh dưỡng.

Tác giả đã bón phân urê nhà chậm nói trên cho cây lúa (ngắn ngày), thanh long (vừa) và cam

(dài ngày) ở đất phù sa (Long An), đất xám (Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh), đất bazan (Đông Nai) và đất xám nâu (vùng bán khô hạn Hàm Tân, Bình Thuận) trong 1 năm. Theo kết quả này, không những lượng phân urê nhà chậm được dùng trong suốt mùa vụ ít hơn so với phân urê thông thường, mà các cây như lúa, thanh long và cam đều đạt năng suất cao hơn ít nhất 25%. Hiện TS. Nguyễn Cửu Khoa đã nghiên cứu được nhiều loại phân urê nhà chậm theo thời gian sinh trưởng của nhiều loại cây khác nhau.

V.L (TheoNASATI)

LÁ ĐU ĐỦ CHỮA BỆNH UNG THƯ?



Trước đây, tôi có đọc một bài báo trên tạp chí Cây Thuốc Quý (TCCTQ) về người Australia dùng lá đu đủ khô để chữa bệnh, nhưng tôi không quan tâm lắm. Nhưng mới đây, tôi có đọc bài "Lá đu đủ có chữa khỏi bệnh ung thư?" của tác giả Nguyễn Chu Công trên TCCTQ số 160, tháng 7/2010. Nội dung bài báo như sau:

Ông Đặng Văn Na là cựu chiến binh thời chống Pháp hiện đang cư trú ở xóm 2, thôn Kim Thượng, xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Ông bị bệnh ung thư phổi từ tháng 6/1969, đi bệnh viện chữa không khỏi, được bệnh viện trả về nhà vì không còn khả năng cứu chữa. Lúc đó có ông anh vợ là bác sỹ Nguyễn Đức Lợi đến thăm và hướng dẫn cho gia đình dùng lá đu đủ tươi chữa bệnh ung thư (UT) cho ông Na theo phương pháp của đồng bào dân tộc thiểu số ở Yên Bái. Gia đình ông Na cũng bán tín bán nghi nhưng "còn nước còn tát", họ cũng áp dụng xem sao, may ra cứu sống người thân.

Cách dùng như sau: Lá đu đủ tươi rửa sạch, tước bỏ vỏ đi, lấy lõi và lá, dùng mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 2 lá, cho vào ấm sắc như sắc thuốc rồi ăn cả nước lẫn lá. Cứ như thế dùng liên tục trong 1 tháng. Tháng sau thì cũng liều lượng đó nhưng cho vào ấm trà, hãm như hãm trà bằng nước sôi và uống cả ngày như uống trà. Dùng 2 tháng như vậy.

Kết quả là sau 3 tháng uống nước lá đu đủ, tình hình sức khỏe của ông Na đã tốt lên một cách không ngờ, từ chỗ nằm một chỗ chờ chết, ông đã tỉnh dần, hết ho, nói được, đi lại được. Ông đi bệnh viện kiểm tra thì bệnh UT không còn nữa.

Từ lúc ông bị bệnh cho đến nay đã được 41 năm, ông Na được 81 tuổi nhưng vẫn khỏe mạnh, sinh hoạt bình thường như những người cùng tuổi khác. Đặc biệt là căn bệnh UT của ông không tái phát nữa. Ông Na còn cho biết thêm: con trai thứ hai của ông là cán bộ ngành giao thông ở Yên Bái cũng đã làm theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thiểu số Yên Bái bằng cách hàng ngày luộc lá đu đủ, chấm muối vừng ăn với cơm. Kết quả sức khỏe rất tốt, không đau ốm gì.

Cũng trên TCCTQ này có bài của lương y Võ Hà nói về công dụng của lá đu đủ:

Bác sỹ Nam Dang ở trường Đại học Florida có một báo cáo về hiệu quả của lá đu đủ trên tế bào UT, đã được đăng trên tạp chí Journal of Ethnopharmacology. Báo cáo cho biết, chất chiết xuất từ lá đu đủ hoặc nước sắc của nó có hiệu quả chống UT đối với các u bướu cổ tử cung, vú, gan, phổi và tụy tạng. Ông Dang và các cộng sự cho rằng: các hoạt chất trong lá đu đủ có tác dụng thúc đẩy cơ thể sản xuất ra những phân tử truyền tin được gọi là các cytokines loại Th1, là các protein giúp cho hoạt động miễn dịch. Các nhà khoa học đã cho tiếp xúc 10 loại tế bào UT khác nhau với chiết xuất lá đu đủ và đo lường hiệu quả sau 24 giờ. Kết quả cho thấy, đu đủ đã ức chế sự phát triển các tế bào UT trong tất cả các tế bào. Còn hoạt chất trong lá đu đủ không gây bất cứ tổn thương nào đối với các tế bào lành. Như vậy, nước sắc lá đu đủ có thể được sử dụng trong việc điều trị các chứng viêm nhiễm, những bệnh tự miễn và một số bệnh UT. Dù vậy, vẫn không thể nói lá đu đủ chữa khỏi bệnh UT.

Ngay từ những năm 1960, dùng lá đu đủ để chữa bệnh UT là kinh nghiệm dân gian được phát triển từ Australia ra nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam và Nhật. Nhưng bệnh UT là bệnh của hệ miễn dịch, rất khó chữa, ai "may mắn" thì được chữa khỏi, còn khỏi hoàn toàn thì rất ít. Nếu

hệ miễn dịch của con người quá suy yếu hoặc bị tiếp tục phơi nhiễm các yếu tố gây UT thì kết quả không thể đạt được. Lương y Võ Hà cho rằng: "chữa khỏi bệnh bao gồm nhiều biện pháp tổng hợp để vừa nâng cao sức miễn dịch vừa phải chấm dứt việc phơi nhiễm hoặc tiếp xúc với các tác nhân gây UT. Chế độ ăn ngũ cốc thô, rau quả có nhiều chất chống oxy hoá, hạn chế các thực phẩm chế biến bằng công nghiệp, các loại thịt đỏ, các chất kích thích là biện pháp trung tâm. Ngoài ra, tăng cường vận động và thư giãn, có động cơ sống tốt và tinh thần lạc quan sẽ góp phần quan trọng trong việc chữa trị cũng như ngăn bệnh tái phát". Điều này giải thích tại sao một số loại thảo dược cũng như lá đu đủ có thể cải thiện được bệnh UT ở một số người nhưng không có hiệu quả ở những người khác; không chỉ một loại thảo dược hoặc một bài thuốc mà chữa được bệnh.

Lá đu đủ không chỉ chữa được bệnh UT mà còn chữa được một số bệnh khác như sốt xuất huyết theo kinh nghiệm của bác sỹ Shumedha Bajaj ở bệnh viện Bombay, Ấn Độ. Cách dùng như sau: dùng lá tươi rửa sạch, bỏ cọng, giã nát, lọc lấy nước uống. Vì nó có vị đắng khó uống nên có thể cho một ít đường hoặc mật ong, mỗi lần dùng khoảng 20 ml, mỗi ngày 2-3 lần.

Trong cuộc sống hàng ngày, những công thức chế biến từ những loại thảo dược, lá cây tuy đơn giản nhưng trong một số trường hợp hiệu quả mà nó đem lại là vô cùng lớn. Trên đây là một số công dụng chữa bệnh UT từ lá đu đủ theo kinh nghiệm dân gian truyền lại không chỉ những người bệnh mà ngay cả những người khỏe mạnh nếu áp dụng đúng phương thức thì sẽ rất tốt cho sức khỏe và tăng cường tuổi thọ.

PHẠM NGỌC HIÊN

CẢNG CÁ NHẬT LỆ ỨNG DỤNG THÀNH CÔNG NHIỀU CHẾ PHẨM, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Cảng cá Nhật Lệ, Quảng Bình, bình thường luôn nồng nặc mùi hôi thối, ruồi, muỗi, nhưng chỉ trong vòng 6 ngày sử dụng các chế phẩm bảo vệ môi trường BVR 402 và STN 301, mùi hôi thối đã giảm đến 90%, các côn trùng, ruồi muỗi, gián... không còn bóng dáng trên cảng cá. Đặc biệt, các chế phẩm này còn làm giảm số lượng vi khuẩn gây bệnh như Salmônella, Clostridium, ngăn ngừa sự phát triển trở lại của côn trùng và không độc hại cho người sử dụng.

Đây là lần đầu tiên thử nghiệm thành công các chế phẩm BVR 402 và STN 301 tại một cảng cá ở Việt Nam. BVR 402 và STN 301 là 2 chế phẩm được sản xuất tại Mỹ bởi Tiến sỹ Dược phẩm David Trần, một Việt kiều gốc Cần Thơ. BVR 402 có tác dụng khử mùi, khử trùng, tiêu độc; STN 301 được dùng để diệt ruồi, muỗi, gián, kiến... Cả hai sản phẩm đã được cơ quan quản lý

an toàn thực phẩm của Mỹ (FDA) công nhận và đưa vào sử dụng ở một số nước trên thế giới.

Theo Tiến sỹ Dược phẩm David Trần: Chế phẩm BVR 402 còn được Công ty nghiên cứu để chế biến đá sạch, giúp ngư dân ướp cá tươi lâu hơn và không chứa các dư lượng có hại cho sức khỏe con người. Sản phẩm khi đưa vào sử dụng sẽ làm giảm chi phí đánh bắt xa bờ và nâng cao chất lượng thủy hải sản của bà con.

Với nhiều tính năng ưu việt, giá thành thấp, BVR 402 và STN 301 là các sản phẩm thích hợp để phổ biến ứng dụng đối với bà con nông dân, cơ sở chế biến thủy hải sản, trang trại chăn nuôi, bệnh viện và các trung tâm xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Công ty TNHH Dược phẩm Thành Nguyên cũng đang thử nghiệm 2 chế phẩm này tại trang trại chăn nuôi Công ty Mai Linh - Quảng Bình, sắp tới sẽ tiếp tục triển khai tại Cảng Gianh (Quảng Bình).

T.N (cpv.org.vn)